TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 01 - 2022
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thế Hiệp;

bà Nguyễn Thị Hường.

- *Thư ký phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh **Tăng Mạnh T** sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: chị **Trần Diệu T1** sinh năm 1990

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

(Anh Tưởng, chị T1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Anh Tăng Mạnh T trình bày: Anh và chị T1 tự nguyện kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/3/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2016 anh T đi lao động tại Đài Loan, tháng 10/2018, chị T1 đi lao động tại Nhật Bản. Sau khi chị T1 đi sang Nhật Bản một thời gian thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, việc liên lạc với nhau ngày một thưa dần. Đến tháng 10/2019, anh T về Việt Nam; từ đó vợ chồng cắt đứt liên lạc với nhau,

không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay xác định vợ chồng đã không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1. Về con chung: Anh và chị T1 có 01 con chung là Tăng Khánh N sinh ngày 02/6/2013. Hiện nay cháu N đang sinh sống cùng anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến của bị đơn:**

Chị T1 trình bày: chị và anh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/3/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau khi vợ chồng đi lao động ở nước ngoài thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do có nhiều điểm khác biệt trong cách sống và quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã không thể hòa giải được. Vì vậy, chị cũng đề nghị Tòa án xử cho chị ly hôn với anh T. Về con chung: chị và anh T có 01 con chung là Tăng Khánh N sinh ngày 02/6/2013; do chị ở xa nên không đủ điều kiện để nuôi dưỡng con nên chị đồng ý để anh Ttrực tiếp nuôi con. Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên::**

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Tăng Mạnh T được ly hôn chị Trần Diệu T1; giao con Tăng Khánh N cho anh Tăng Mạnh T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung: không đặt ra giải quyết; anh Tphải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Tăng Mạnh T và chị Trần Diệu T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Tăng Mạnh T và chị Trần Diệu T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn ngày 26/3/2013.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị T1 đều xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng và chấm dứt liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, anh T xin ly hôn, chị T1 đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Tăng Mạnh T ly hôn chị Trần Diệu T1.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 con chung là Tăng Khánh N sinh ngày 02/6/2013. Hiện nay, cháu N do anh Tđang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T1 hiện đang sống và làm việc tại Nhật Bản. Để đảm bảo việc ổn định đời sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, khi ly hôn cần giao con N cho anh Ttrực tiếp nuôi dưỡng. Việc anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Anh T và chị T1 đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Tăng Mạnh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tăng Mạnh T được ly hôn chị Trần Diệu T1.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao con Tăng Khánh N sinh ngày 02/60/2013 cho anh Tăng Mạnh T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Anh T, chị T1 vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Tăng Mạnh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005150 ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án, chị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh